

Số: 1451/TT-UBND

Cao Bằng, ngày 17 tháng 6 năm 2024

## TỜ TRÌNH

### Dự thảo Nghị quyết Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, như sau:

#### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

##### 1. Cơ sở pháp lý

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Người Cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009.

- Tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi: "1. Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ được quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức quà tặng của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho người thọ 100 tuổi, mức quà tặng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho người thọ 90 tuổi và nội dung chi, mức chi tổ chức mừng thọ quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật Người cao tuổi;

b) Căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức quà tặng người thọ 70, 75, 80, 85, 95 tuổi và trên 100 tuổi."

- Tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi:

"a) Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi

- Người cao tuổi thọ 100 tuổi được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chúc thọ và tặng quà gồm 5 mét vải lụa và 700.000 đồng tiền mặt.

- Người cao tuổi thọ 90 tuổi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chúc thọ và tặng quà gồm hiện vật trị giá 150.000 đồng và 500.000 đồng tiền mặt.

Mức chi nêu trên là mức tối thiểu. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thể xem xét, quyết định mức chi cao hơn mức quy định tại Thông tư này; đồng thời xem xét, quyết định theo thẩm quyền mức quà tặng người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 tuổi và trên 100 tuổi trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh".

- Tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh "Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức, chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ".

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

## 2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người cao tuổi; Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi, Ngày 13 tháng 12 năm 2018 UBND tỉnh Cao Bằng đã ban hành Quyết định số 2082/QĐ-UBND về việc quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Từ năm 2021 đến năm 2023, tỉnh Cao Bằng đã thực hiện tặng quà, chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi cho 17.093 người với số kinh phí thực hiện là 5.264,071 triệu đồng. Đây là hoạt động mang tính nhân văn sâu sắc thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đến chính sách an sinh xã hội. Hiện nay, một số tỉnh, thành phố đã ban hành Nghị quyết quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi, so sánh với các tỉnh lân cận có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi tỉnh Cao Bằng còn thấp, như các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hải Dương.

(Chi tiết tại Phụ lục 01,02 kèm theo)

Do vậy, việc ban hành Nghị quyết Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích ban hành Nghị quyết**

Việc xây dựng Nghị quyết nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc sử dụng ngân sách địa phương để các ngành, các cấp, các địa phương trên địa bàn tỉnh tổ chức tặng quà chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi, đảm bảo chính sách an sinh xã hội được thực hiện thống nhất, đúng quy định.

### **2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Nghị quyết ban hành phải đảm bảo phù hợp với quy định của Luật người cao tuổi, Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người cao tuổi, Thông tư số 96/2018/TT-BTC quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi và điều kiện thực tế của địa phương.

## **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Nghị quyết này quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Các nội dung khác liên quan đến chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi.

### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Người cao tuổi là công dân Việt Nam, đang cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ở tuổi 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 tuổi và trên 100 tuổi. (Trong trường hợp tạm trú thì phải có xác nhận về việc chưa được nhận quà chúc thọ, mừng thọ tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú).

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan đến việc thực hiện chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

## **IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

1. Ngày 14/6/2023, UBND tỉnh ban hành Công văn số 1470/UBND-TH về giao nhiệm vụ trả lời ý kiến cử tri trình tại Kỳ họp thứ 14 HĐND tỉnh Khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Ngày 19/6/2023 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Công văn số 1004/SLĐTBXH-BTXH Về việc phối hợp trả lời kiến nghị của cử tri tại Công văn 1470/UBND-TH ngày 14/6/2023 của UBND tỉnh.

3. Ngày 20/6/2023, Sở Tài chính ban hành Công Văn số 1524/STC-QLNS về việc phối hợp trả lời kiến nghị của cử tri tại Công văn 1470/UBND-TH.

4. Ngày 28/6/2023, UBND tỉnh ban hành Báo cáo số 1679/BC-UBND về việc trả lời kiến nghị của cử tri trình tại Kỳ họp thứ 14 HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026.

5. Ngày 29/8/2023, UBND tỉnh ban hành Công văn số 2340/UBND-TH Về việc rà soát báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và thực hiện lời hứa sau chất vấn tại Kỳ họp thứ 14 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026.

6. Ngày 19/9/2023, Cục Bảo trợ xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Công văn số 795/BTXH-NCT Về việc hướng dẫn thẩm quyền quyết định mức chi tặng quà người cao tuổi.

7. Ngày 10/01/2024 Sở Tài chính ban hành Công Văn số 73/STC-QLNS Về việc ý kiến về nguồn lực đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ.

8. Ngày 08/4/2024, UBND tỉnh ban hành Công văn số 829/UBND-TH về việc giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thường lệ giữa kỳ năm 2024 HĐND tỉnh Cao Bằng khoá XVII.

9. Sau khi xây dựng Hồ sơ dự thảo Nghị quyết, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức lấy ý kiến của Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan; đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và trang Thông tin điện tử của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời hạn 30 ngày để lấy ý kiến các cơ quan, địa phương, tổ chức, cá nhân liên quan.

10. Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các cơ quan liên quan, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu tiếp thu các ý kiến đóng góp, hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết, Tờ trình và các tài liệu khác và ban hành Công văn số 919/SLĐTBXH-BTXH ngày 22/5/2024 gửi Sở Tư pháp thẩm định.

11. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 782/BC-STP ngày 30/5/2024; trên cơ sở ý kiến thẩm định, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện các Dự thảo; ban hành Tờ trình số 1026/TTr-SLĐTBXH ngày 04/6/2024 gửi hồ sơ dự thảo Nghị quyết báo cáo UBND tỉnh.

12. Văn phòng UBND tỉnh ban hành Công văn số 1904/VP-VX ngày 07/6/2024 xin ý kiến thành viên UBND tỉnh về hồ sơ dự thảo Nghị quyết. Ngày 12/6/2024, UBND tỉnh đã tổ chức cuộc họp lấy ý kiến các thành viên UBND tỉnh và biểu quyết thông qua.

## V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

**1. Bố cục:** Ngoài phần căn cứ, Nghị quyết được bố cục gồm 3 điều, cụ thể:

**Điều 1.** Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### 2. Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị quyết:

**Điều 1.** Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Các nội dung khác liên quan đến chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi.

#### 2. Đối tượng áp dụng

a) Người cao tuổi là công dân Việt Nam, đang cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ở tuổi 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 tuổi và trên 100 tuổi. (Trong trường hợp tạm trú thì phải có xác nhận về việc chưa được nhận quà chúc thọ, mừng thọ tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú).

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

#### 3. Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi

a) Người cao tuổi thọ 70 tuổi: mức chi 300.000 đồng.

b) Người cao tuổi thọ 75 tuổi: mức chi 400.000 đồng.

c) Người cao tuổi thọ 80 tuổi: mức chi 500.000 đồng.

d) Người cao tuổi thọ 85 tuổi: mức chi 600.000 đồng.

đ) Người cao tuổi thọ 90 tuổi: mức chi 900.000 đồng (bao gồm phần quà trị giá 200.000 đồng và tiền mặt 700.000 đồng).

e) Người cao tuổi thọ 95 tuổi: mức chi 1.000.000 đồng (bao gồm phần quà trị giá 200.000 đồng và tiền mặt 800.000 đồng).

g) Người cao tuổi thọ 100 tuổi: mức chi 1.000.000 đồng tiền mặt và 05 mét vải lụa có giá trị không quá 500.000 đồng.

h) Người cao tuổi thọ trên 100 tuổi, mỗi năm được chúc thọ một lần: mức chi 1.200.000 đồng.

#### 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí chúc thọ và quà tặng người cao tuổi thọ 90 tuổi và 100 tuổi bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan thường trực của Ban công tác người cao tuổi cấp tỉnh).

Kinh phí tặng quà người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được giao nhiệm vụ tặng quà cho người cao tuổi theo phân cấp của địa phương.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khóa XVII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2024./.

## VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

### 1. Dự kiến nguồn lực

Kinh phí quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi đã thực hiện năm 2023 là 5.925 đối tượng, với kinh phí là 1.830,7 triệu đồng. Dự kiến tổng kinh phí khi ban hành Nghị quyết mới năm 2024 thực hiện chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 và trên 100 tuổi hàng năm khoảng 3.129,5 triệu đồng/năm, tăng 1.105,2 triệu đồng/năm

*(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)*

### 2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết.

Kinh phí thực hiện nội dung nêu trên do ngân sách nhà nước cấp trong dự toán hàng năm của đơn vị, địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.

## VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ): Không.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định mức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Gửi kèm theo Tờ trình này:

(1) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

(2) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý cho dự thảo Nghị quyết.

(3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và các tài liệu liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh;
- Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Tài chính;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; TP.TH, CVVX;
- Lưu: VT, VX<sub>HN</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Hoàng Xuân Ánh*  
\_\_\_\_\_  
**Hoàng Xuân Ánh**



Phụ lục 01

QUY ĐỊNH MỨC QUÀ TẶNG CHÚC THỌ, MỪNG THỌ CỦA MỘT SỐ TỈNH, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Tờ trình số 1451 TT-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nghị quyết của các tỉnh/thành phố	Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ Người cao tuổi															
		70 tuổi		75 tuổi		80 tuổi		85 tuổi		90 tuổi		95 tuổi		100 tuổi		Trên 100 tuổi	
		Mức hỗ trợ tiền mặt	Hỗ trợ hiện vật trị giá	Mức hỗ trợ tiền mặt	Hỗ trợ hiện vật trị giá	Mức hỗ trợ tiền mặt	Hỗ trợ hiện vật trị giá	Mức hỗ trợ tiền mặt	Hỗ trợ hiện vật trị giá	Mức hỗ trợ tiền mặt	Hỗ trợ hiện vật trị giá	Mức hỗ trợ tiền mặt	Hỗ trợ hiện vật trị giá	Mức hỗ trợ tiền mặt	Hỗ trợ hiện vật trị giá	Mức hỗ trợ tiền mặt	Hỗ trợ hiện vật trị giá
1	Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh Lạng Sơn	300		300		400		400		500	200	600	200	1.000	5m vải lụa	1.200	5m vải lụa
2	Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 của HĐND tỉnh Bắc Kạn	300		200	200	300	200	400	200	600	200	700	200	1.000	200	1.300	200
3	Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Thái Nguyên	200	100	300	100	400	100	500	150	600	150	700	200	800	500	900	250
4	Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của HĐND tỉnh Tuyên Quang	300		400		500		600		700	200	800		1.000	5m vải lụa	1.000	
5	Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 13/10/2023 của HĐND tỉnh Hải Dương	350		350		450		450		600	150	750		850	1.000	1.500	



Phụ lục 02

**THỐNG KÊ KINH PHÍ TẶNG QUÀ CHÚC THỌ, MỪNG THỌ NGƯỜI CAO TUỔI TỈNH CAO BẰNG  
CÁC NĂM 2021, 2022, 2023**

(Kèm theo Tờ trình số: 1451 TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Năm thực hiện	Tuổi																Kinh phí	Cộng
		70		75		80		85		90		95		100		Trên 100			
		Số người	Kinh phí	Số người	Kinh phí	Số người	Kinh phí	Số người	Kinh phí	Số người	Kinh phí (chúc mừng thọ + quà)	Số người	Kinh phí (chúc thọ + quà)	Số người	Kinh phí (chúc thọ + quà)	Số người	Kinh phí		
<b>Theo QĐ 2082/QĐ-UBND</b>																			
1	2021	1.249	249.800	1.316	329.000	952	285.600	821	328.400	353	229.450	80	40.000	31	22.100	42	29.400	1.513.750	4.844
2	2022	2.068	413.600	1.520	380.000	1.318	395.400	769	307.600	474	307.181	94	47.000	39	39.345	42	29.400	1.919.526	6.324
3	2023	1.866	373.200	1.488	372.000	1.062	318.600	859	343.600	446	289.150	116	58.000	33	37.745	55	38.500	1.830.795	5.925
	<b>Cộng:</b>	<b>5.183</b>	<b>1.036.600</b>	<b>4.324</b>	<b>1.081.000</b>	<b>3.332</b>	<b>999.600</b>	<b>2.449</b>	<b>979.600</b>	<b>1.273</b>	<b>825.781</b>	<b>290</b>	<b>145.000</b>	<b>103</b>	<b>99.190</b>	<b>139</b>	<b>97.300</b>	<b>5.264.071</b>	<b>17.093</b>
<b>Theo dự thảo Nghị quyết</b>																			
	<b>Dự kiến năm 2024</b>	<b>2.053</b>	<b>615.900</b>	<b>1.635</b>	<b>654.000</b>	<b>1.173</b>	<b>586.500</b>	<b>945</b>	<b>567.000</b>	<b>496</b>	<b>446.400</b>	<b>131</b>	<b>131.000</b>	<b>37</b>	<b>55.500</b>	<b>61</b>	<b>73.200</b>	<b>3.129.500</b>	<b>6.531</b>

\* **Mức chúc thọ, mừng thọ theo QĐ số 2082/QĐ-UBND:**

- NCT ở tuổi trên 100 tuổi: 700.000đ
- NCT ở tuổi 100 tuổi: 700.000đ + 5 mét vải lụa
- NCT ở tuổi 95 tuổi: 500.000đ
- NCT ở tuổi 90 tuổi: 500.000đ + quà tặng trị giá 150.000đ
- NCT ở tuổi 85 tuổi: 400.000đ
- NCT ở tuổi 80 tuổi: 300.000đ
- NCT ở tuổi 75 tuổi: 250.000đ
- NCT ở tuổi 70 tuổi: 200.000đ

\* **Mức chúc thọ, mừng thọ theo dự kiến Dự thảo Nghị quyết mới:**

- NCT ở tuổi trên 100 tuổi: 1.200.000đ
- NCT tròn 100 tuổi: 1.000.000đ + 5m vải lụa
- NCT ở tuổi 95 tuổi: 800.000đ + quà tặng trị giá 200.000đ
- NCT ở tuổi 90 tuổi: 700.000đ + quà tặng trị giá 200.000đ
- NCT ở tuổi 85 tuổi: 600.000đ
- NCT ở tuổi 80 tuổi: 500.000đ
- NCT ở tuổi 75 tuổi: 400.000đ
- NCT ở tuổi 70 tuổi: 300.000đ

Phụ lục 03

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC QUÀ TẶNG CHÚC THỌ, MỪNG THỌ NGƯỜI CAO TUỔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG**

(Kèm theo Tờ trình số: 1451 TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đang thực hiện theo QĐ số 2082/UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh			Dự kiến theo Nghị quyết mới			Chênh lệch tiền (1.000đ)	Ghi chú
				Mức chúc thọ, mừng thọ	Hiện vật trị giá	Thành tiền (1.000đ)	Mức chúc thọ, mừng thọ	Hiện vật trị giá	Thành tiền (1.000đ)		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Người cao tuổi ở tuổi 70	Người	2.053	200		410.600	300		615.900	205.300	
2	Người cao tuổi ở tuổi 75	Người	1.635	250		408.750	400		654.000	245.250	
3	Người cao tuổi ở tuổi 80	Người	1.173	300		351.900	500		586.500	234.600	
4	Người cao tuổi ở tuổi 85	Người	945	400		378.000	600		567.000	189.000	
5	Người cao tuổi ở tuổi 90	Người	496	500	150	322.400	700	200	446.400	124.000	
6	Người cao tuổi ở tuổi 95	Người	131	500		65.500	800	200	131.000	65.500	
7	Người cao tuổi tròn 100 tuổi	Người	37	700	5 m vải lụa (tính bằng 500.000đ tiền mặt)	44.400	1.000	500	55.500	11.100	05 mét vải lụa có giá trị không quá 500.000đ
8	Người cao tuổi trên 100 tuổi	Người	61	700		42.700	1.200		73.200	30.500	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>6.531</b>			<b>2.024.250</b>			<b>3.129.500</b>	<b>1.105.250</b>	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng năm 2024

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi  
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người  
cao tuổi;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe  
ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng  
và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy  
định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cao  
Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu  
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên  
địa bàn tỉnh Cao Bằng.

## 1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Các nội dung khác liên quan đến chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Người cao tuổi là công dân Việt Nam, đang cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ở tuổi 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 tuổi và trên 100 tuổi (Trong trường hợp tạm trú thì phải có xác nhận về việc chưa được nhận quà chúc thọ, mừng thọ tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú).

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

## 3. Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi

a) Người cao tuổi thọ 70 tuổi: mức chi 300.000 đồng.

b) Người cao tuổi thọ 75 tuổi: mức chi 400.000 đồng.

c) Người cao tuổi thọ 80 tuổi: mức chi 500.000 đồng.

d) Người cao tuổi thọ 85 tuổi: mức chi 600.000 đồng.

đ) Người cao tuổi thọ 90 tuổi: mức chi 900.000 đồng (bao gồm phần quà trị giá 200.000 đồng và tiền mặt 700.000 đồng).

e) Người cao tuổi thọ 95 tuổi: mức chi 1.000.000 đồng (bao gồm phần quà trị giá 200.000 đồng và tiền mặt 800.000 đồng).

g) Người cao tuổi thọ 100 tuổi: mức chi 1.000.000 đồng tiền mặt và 05 mét vải lụa có giá trị không quá 500.000 đồng.

h) Người cao tuổi thọ trên 100 tuổi, mỗi năm được chúc thọ một lần: mức chi 1.200.000 đồng.

## 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí chúc thọ và quà tặng người cao tuổi thọ 90 tuổi và 100 tuổi bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan thường trực của Ban công tác người cao tuổi cấp tỉnh).

Kinh phí tặng quà người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được giao nhiệm vụ tặng quà cho người cao tuổi theo phân cấp của địa phương.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khóa XVII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2024./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Cao Bằng;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Thường trực: Huyện ủy, thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các Tổ chức chính trị xã hội - Nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Báo Cao Bằng; Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**